TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày 22-9-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành, là Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 26/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tôn Thị D; địa chỉ: 105 Đường C, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) - Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đồng Thanh X; địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Diễm P; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tôn Thị D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đồng Thanh X trình bày:

Từ 31/10/2013 (27/9/2013 Âm lịch) đến ngày 19/9/2014 (26/8/2014 Âm lịch) chị Đỗ Thị Diễm P có mượn bà Tôn Thị D với tổng số tiền là: 945.270.000đ *(Chín trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*). Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 27/9/2013 mượn 38.000.000 đồng, ngày 16/10/2013 mượn 12.000.000 đồng, ngày 25/11/2013 mượn 10.000.000 đồng, ngày 11/12/2013 mượn 18.000.000 đồng, ngày 18/12/2013 mượn 47.000.000 đồng, ngày 24/12/2013 mượn 20.000.000 đồng, ngày 27/12/2013 mượn 25.000.000 đồng, ngày 28/12/2013 mượn 10.000.000, ngày 05/01/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 08/01/2014 mượn 30.000.000 đồng. Tổng: 215.000.000 đồng (tờ 2)

- Ngày 13/02/2014 mượn 160.000.000 đồng (tờ 1)

- Ngày 13/02/2014 mượn 90.500.000 đồng (tờ 4)

- Ngày 13/02/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 16/02/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 17/02/2014 mượn 10.000.000 đồng, ngày 23/02/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 23/02/2014 mượn 1.000.000 đồng, ngày 25/02/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 28/02/2014 mượn 7.000.000 đồng, ngày 05/03/2014 mượn 15.000.000 đồng, ngày 06/03/2014 mượn 10.000.000 đồng, ngày 11/03/2014 mượn 3.000.000 đồng. Tổng 60.000.000 đồng (tờ 5)

- Khoảng tháng 01/2014 (không nhớ ngày) chị Phúc có mượn 2 lần, 1 lần 82.000.000 đồng và 1 lần 3.000.000 đồng; ngày 14/01/2014 mượn 20.000.000 đồng, ngày 29/01/2014 mượn 16.000.000 đồng, ngày 29/01/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 29/01/2014 mượn 6.000.000, ngày 05/02/2014 mượn 20.000.000 đồng, ngày 08/03/2014 mượn 10.000.000 đồng. Tổng 160.000.000 đồng (tờ 9)

- Ngày 15/03/2014 mượn 15.000.000 đồng, ngày 19/03/2014 mượn 10.500.000 đồng, ngày 23/03/2014 mượn 50.000.000 đồng, ngày 29/03/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 09/04/2014 mượn 9.000.000 đồng, ngày 09/04/2014 mượn 8.000.000 đồng, ngày 22/04/2014 mượn 10.000.000, ngày 25/04/2014 mượn 1.000.000 đồng, ngày 30/04/2014 mượn 1.500.000 đồng. Tổng 110.000.000 đồng (tờ 8)

Ngày 02/05/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 05/05/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 08/05/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 11/05/2014 mượn 4.000.000 đồng, ngày 15/05/2004 mượn 10.000.000 đồng, ngày 19/05/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 21/02/2014 mượn 6.500.000 đồng, ngày 26/05/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 01/06/2014 mượn 10.000.000 đồng, ngày 06/06/2014 mượn 2.000.000 đồng. Tổng 52.500.000 đông (tờ 7)

Ngày 10/06/2014 mượn 5.500.000 đồng, ngày 11/06/2014 mượn 2.500.000 đồng, ngày 20/06/2014 mượn 4.000.000 đồng, ngày 23/06/2014 mượn 2.500.000 đồng, ngày 28/06/2014 mượn 1.500.000 đồng, ngày 01/07/2014 mượn 300.000 đồng, ngày 02/07/2014 mượn 1.500.000 đồng, ngày 03/07/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 09/07/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 10/07/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 12/07/2014 mượn 1.500.000 đồng, ngày 17/07/2014 mượn 770.000 đồng, ngày 23/07/2014 mượn 1.700.000 đồng, ngày 02/08/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 03/08/2014 mượn 8.000.000 đồng, ngày

06/08/2014 mượn 13.000.000 đồng, ngày 10/08/2014 mượn 13.000.000 đồng, ngày 12/08/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 15/08/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 17/08/2014 mượn 7.000.000 đồng, ngày 24/08/2014 mượn 12.000.000 đồng, ngày 26/08/2014 mượn 5.500.000 đồng. Tổng 97.270.000 đồng (tờ 6)

Khi mượn tiền có viết giấy mượn tiền, toàn bộ giấy mượn tiền đều do chị P viết và chị P ký, không thỏa thuận về lãi suất, các lần mượn tiền đều nói vài ngày sau sẽ trả nhưng không thấy trả, đến tháng 8/2014 (âm lịch) bà D có đòi chị P, chị P có hẹn đến cuối năm 2014 (âm lịch) sẽ trả hết số tiền 945.270.000 đồng, nhưng chị P cũng không trả. Bà D cho chị P mượn tiền nhiều lần là do mỗi lần mượn tiền của bà D, chị P đều nói hoàn cảnh của chị P rất thương tâm. Đến thời điểm hiện tại bà D đã làm thông báo đòi nợ nhiều lần nhưng chị P vẫn không trả tiền cho bà D.

Tại đơn khởi kiện bà Tôn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị Diễm P trả cho bà Tôn Thị D số tiền đã mượn là 945.270.000 đồng và bà D không yêu cầu lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ sau: Ngày 13/02/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 23/02/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 23/02/2014 mượn 1.000.000 đồng, ngày 25/02/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 11/03/2014 mượn 3.000.000 đồng. Tổng 16.000.000 đồng (tờ 5)

- Khoảng tháng 01/2014 (không nhớ ngày) 3.000.000 đồng; ngày 14/01/2014 mượn 20.000.000 đồng, ngày 08/03/2014 mượn 10.000.000 đồng. Tổng 33.000.000 đồng (tờ 9)

Ngày 02/05/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 05/05/2014 mượn 2.000.000 đồng. Tổng 5.000.000 đồng (tờ 7)

Ngày 10/06/2014 mượn 5.500.000 đồng, ngày 23/06/2014 mượn 2.500.000 đồng, ngày 28/06/2014 mượn 1.500.000 đồng, ngày 01/07/2014 mượn 300.000 đồng, ngày 10/07/2014 mượn 2.000.000 đồng, ngày 12/07/2014 mượn 1.500.000 đồng, ngày 17/07/2014 mượn 770.000 đồng, ngày 23/07/2014 mượn 1.700.000 đồng, ngày 02/08/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 03/08/2014 mượn 8.000.000 đồng, ngày 06/08/2014 mượn 13.000.000 đồng, ngày 10/08/2014 mượn 13.000.000 đồng, ngày 12/08/2014 mượn 5.000.000 đồng, ngày 15/08/2014 mượn 3.000.000 đồng, ngày 17/08/2014 mượn 7.000.000 đồng, ngày 24/08/2014 mượn 12.000.000 đồng, ngày 26/08/2014 mượn 5.500.000 đồng. Tổng 85.270.000 đồng (tờ 6)

Tổng cộng bà D xin rút yêu cầu đối với số tiền là 139.270.000 đồng

Hiện nay bà Tôn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị Diễm P trả cho bà Tôn Thị D số tiền 806.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn chị Đỗ Thị Diễm P: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị Diễm P đều vắng mặt và không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị D, buộc chị Đỗ Thị Diễm P phải trả cho bà Tôn Thị D số tiền 806.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị D về việc buộc chị Đỗ Thị Diễm P phải trả bà Tôn Thị D số tiền 139.270.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại: Thôn T xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng). Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn chị Đỗ Thị Diễm P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của giấy vay tiền: Việc viết giấy vay tiền của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật do đó hợp đồng có hiệu lực.

[2.2]. Tại đơn khởi kiện, bà Tôn Thị D yêu cầu chị Đỗ Thị Diễm P phải thanh toán toàn bộ số tiền vay trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2013 đến ngày 26/8/2014, với tổng số tiền 945.270.000 đồng**.**

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 139.270.000 đồng. Do đó, bà D yêu cầu buộc chị P trả số tiền 806.000.000 đồng.

Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Từ ngày 27/9/2013 đến ngày 26/8/2014, bà Đỗ Thị Diễm P đã nhiều lần vay tiền của bà Tôn Thị D. Việc vay đều lập giấy mượn tiền và tại kết luận giám định số: 183/KL-KTHS, ngày 07/5/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông (cũ) thể hiện phần lớn nội dung trong giấy tờ vay mượn đều là chữ ký, chữ viết của chị P. Trong quá trình vay, chị P nhiều lần hứa sẽ trả toàn bộ nợ vào cuối năm 2014 (âm lịch) nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản nào. Do vậy, chị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005**,** làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

[2.3]. Về lãi suất: Do bà Tôn Thị D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị D buộc chị Đỗ Thị Diễm P phải trả cho bà D số tiền 806.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, nên cần chấp nhận. Đồng thời, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút, tương ứng với số tiền 139.270.000 đồng.

[2.5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị D buộc chị Đỗ Thị Diễm P phải trả cho bà Tôn Thị D số tiền 806.000.000đ *(tám trăm lẻ sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện buộc chị P trả cho bà D số tiền 139.270.000đ *(một trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Đỗ Thị Diễm P phải chịu 36.180.000đ *(ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 6;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc